

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-PT

Ngày 18/5/2026

V/v “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Thái Thị Phi Yến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Cẩm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2026/HNGĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2026/DS-ST ngày 16/11/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 13/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn C - Sinh năm 1947 - Địa chỉ: 81 đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hà T - Địa chỉ: 300 đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:*** Ông Lý Vinh H - Luật sư của Công ty luật TNHH MTV K thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: 01/4 đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: 61- 63 đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn:*** Ông Ngô Anh T và Bà

Hoàng Thị H - Luật sư Công ty Luật TNHH ATN & cộng sự - Địa chỉ: Số 18 phố Đ, phường N, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Trường P - Địa chỉ: 01/4 đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Ông Ngô Thanh H - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: 184 đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, là bị đơn và ông Nguyễn Trường P, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Trước đây, ông Nguyễn C khởi kiện bà Nguyễn Thị N để yêu cầu chia tài sản chung theo Thông báo thụ lý vụ án số 157/TB-TLVA ngày 11/07/2022 của Tòa án nhân dân quận H, trong đó nguyên đơn là ông Nguyễn C và bị đơn là bà Nguyễn Thị N. Sau đó, bà N đã có yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn C yêu cầu không công nhận vợ chồng theo Thông báo thụ lý vụ án số 02/TB-TLVA ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân quận H, với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn C.

Sau này 02 vụ án nêu trên được nhập vụ án theo Quyết định nhập vụ án số 01/2023/QĐ-TA ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân quận H thành vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2023 về việc “Không công nhận vợ chồng, chia tài sản chung” với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn C.

** Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C theo Thông báo thụ lý vụ án số 157/TB-TLVA ngày 11/07/2022 của Tòa án nhân dân quận H:*

1. Ông C đề nghị chia đôi khối tài sản chung giữa ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N gồm có:

1.1. Thửa đất số: 03-B34, tờ bản đồ số 00, diện tích: 112,5m², địa chỉ: Lô 03-B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 19/04/2010 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 6135XC đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N.

1.2. Thửa đất số: 428, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 120m², địa chỉ tại: Lô 71-72 B đường C (Số 67-69 C), phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/01/2018 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 3893XX đứng tên ông

Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N. Trên thửa đất số 428, hiện đang có 01 ngôi nhà 04 tầng có diện tích xây dựng: 116m², diện tích sàn: 534,4m², cấp (hạng): cấp III.

1.3. Thửa đất số: 463, tờ bản đồ số: 10, diện tích: 142,3m², địa chỉ tại: 61-63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/01/2022 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 9279XY đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N. Trên thửa đất số 463, hiện tại đang có một công trình xây dựng nhà ở kết hợp dịch vụ lưu trú (07 tầng) có diện tích xây dựng: 114,4m², diện tích sàn: 908,9m², cấp công trình: cấp 2.

Theo chứng thư thẩm định giá số 430/2024/450 ngày 12/12/2024 của Công ty Cổ phần thẩm định giá dịch vụ tài chính BTC M thì:

- Thửa đất số 03-B tại địa chỉ: Lô 03-B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có giá trị 6.272.214.525 đồng;

- Nhà và đất tại địa chỉ Lô 71-72 B đường C (Số 67- 69 C), phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng có giá trị 12.804.297.064 đồng;

- Nhà và đất tại địa chỉ 61- 63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng có giá trị 22.062.895.647 đồng.

Ông C thống nhất với kết quả thẩm định giá và không có ý kiến gì. Ông C đề nghị HĐXX xem xét chia tài sản chung như sau:

- Giao cho bà N được nhận 02 tài sản chung là: Thửa đất số 03-B tại địa chỉ: Lô 03-B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có giá trị 6.272.214.525 đồng và Nhà đất tại địa chỉ: Lô 71-72 đường C (Số 67- 69 đường C), phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng có giá trị 12.804.297.064 đồng;

- Giao cho ông Nguyễn C nhận 01 tài sản chung là: Nhà và đất tại địa chỉ 61-63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng với giá trị là 22.062.895.647 đồng.

2. Đối với yêu cầu của bà N về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn C thì ông C không chấp nhận, bởi lẽ: giữa bà N và ông C không có tổ chức lễ cưới, không phát sinh quan hệ vợ chồng và không có quan hệ “sống chung như vợ chồng”, mối quan hệ giữa bà N và ông C vi phạm nghiêm trọng điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

3. Đối với yêu cầu của bà N về chia các tài sản khác thì ông C không chấp nhận.

4. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trường P về việc nhận số tiền thi công chống thấm là 129.770.973 đồng và mua thêm tài sản có giá trị là 142.921.443 đồng, tổng cộng 272.687.083 đồng thì ông C và bà N cùng có trách nhiệm trả lại ông P số tiền trên.

** Đối với yêu cầu khởi kiện theo Thông báo thụ lý vụ án số 02/TB-TLVA ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân quận H, với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn C.*

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông C không có đăng ký kết hôn, ông C có 1 người vợ trước là Mai Thị Thu T (chết năm 2006). Tuy nhiên, tôi và ông C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 tại địa chỉ 01/4 đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng, có 2 con chung là Nguyễn Hà Phương A, sinh năm 1997 và Nguyễn Tường P, sinh năm 2002 nên tôi đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông C.

2. Về con chung: Tôi và ông C có hai con chung Nguyễn Hà Phương A, sinh ngày 22/9/1997 và Nguyễn Tường P, sinh ngày 21/10/2002. Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tôi và ông Nguyễn C có tài sản chung gồm các tài sản chung mà ông Nguyễn C yêu cầu Tòa án giải quyết theo thụ lý số 157/2022/TLST-DS ngày 11/7/2022. Tôi xác định đây là tài sản chung của tôi và ông C.

Tôi thống nhất với kết quả thẩm định giá theo chứng thư thẩm định giá số 430/2024/450 ngày 12/12/2024 của Công ty Cổ phần thẩm định giá dịch vụ tài chính BTC Miền T. Tôi đề nghị HĐXX xem xét chia tài sản chung này theo tỷ lệ tôi hưởng 7 phần, ông C hưởng 3 phần. Căn nhà tại đường P đang cho dịch vụ thuê nhà để mẹ con có khoản tiền sinh sống và hiện tôi đang sinh sống tại căn nhà đường P này. Tôi đề nghị được nhận nhà và đất tại thửa đất tại địa chỉ 61-63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng và giao 02 tài sản còn lại cho ông C sở hữu và sử dụng.

Ngoài ra còn có các tài sản chung do ông Nguyễn C đứng tên gồm:

- + Ô tô nhãn hiệu BMW biển số 43A 128-XZ đăng ký vào ngày 14/11/2014 đứng tên ông Nguyễn C;

- + Nhà và đất địa chỉ 168 đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B06321X1 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/9/2013 đứng tên ông Nguyễn C;

- + Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 77, khu B (giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2020 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C;

- + Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 79, khu B (giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2020 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 80, khu B (giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/3/2016 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 78, khu B (giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2020 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C.

Tôi cho rằng các tài sản đứng tên ông C phải được xác định là tài sản chung vì tôi có công sức đóng góp, cần giải quyết phân chia đối các với tài sản này.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trường P về việc nhận số tiền thi công chống thấm là 129.770.973 đồng và mua thêm tài sản có giá trị là 142.921.443 đồng, tổng cộng 272.687.083 đồng thì tôi và ông C cùng có trách nhiệm trả lại ông P số tiền trên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường P vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn trình bày, biên bản hòa giải, ông Nguyễn Trường P trình bày:*

Tôi có thi công chống thấm và mua thêm tài sản đối với khối tài sản chung của bà N, ông C, cụ thể số tài sản và giá trị tài sản thì tôi thống nhất chứng thư thẩm định giá số 430/2024/450 ngày 12/12/2024 của Công ty Cổ phần thẩm định giá dịch vụ tài chính BTC Miền T: Thi công chống thấm là 129.770.973 đồng, phần mua thêm là 142.921.443 đồng. Tổng cộng 272.687.083 đồng. Tôi đề nghị bà N ông C thôi trả tôi giá trị tài sản trên bằng tiền.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh H vắng mặt tại phiên tòa. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông trình bày:*

Tôi đang thuê Thửa đất số: 03-B34, tờ bản đồ số 00, diện tích: 112,5m², địa chỉ: Lô 03-B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng của ông C bà N đã nhiều năm nay để mở cơ sở thiết kế thi công nội thất gỗ, tài sản trên đất là của tôi, tôi chỉ là người thuê đất. Nếu Tòa án giao đất này cho ai thì tôi sẽ liên hệ thuê lại. Trường hợp không cho thuê đất nữa thì tôi sẽ di chuyển tài sản trên đất, trả lại mặt bằng. Tôi xác định việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của tôi. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi theo quy định của pháp luật.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2026/NHGD-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 207, Điều 208, Điều 210, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn C về việc "Không công nhận vợ chồng".

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C đối với bà Nguyễn Thị N về việc "Chia tài sản chung"

Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 463, tờ bản đồ số: 10, diện tích: 142,3m², địa chỉ tại: 61-63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 9279XY, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CTs 2302XB do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/01/2022 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N) có giá trị 22.062.895.647 đồng cho bà N sở hữu, sử dụng. Bà N có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu riêng đối với tài sản được giao sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 03-B34, tờ bản đồ số 00, diện tích: 112,5m², địa chỉ: Lô 03-B34, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 6135XC do Ủy ban nhân dân quận L thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.4.2010 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N) và Thửa đất số 428, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 120m², địa chỉ tại: Lô 71-72 B2.1 đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 3893XX do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/01/2018 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N) có tổng giá trị 19.076.511.589 đồng cho ông C sở hữu, sử dụng. Ông C có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu riêng đối với tài sản được giao sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

Ông C, bà N mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Trường P số tiền 136.343.542 đồng.

Bà N có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.493.192.029 đồng cho ông C.

2. Án phí: Sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0007065 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Bà N chịu án phí DSST đối với phần tài sản được nhận là 128.433.360 đồng.

Bà N chịu án phí DSST đối với nghĩa vụ tài sản thanh toán cho ông P là $136.343.542 \times 5\% = 6.817.177$ đồng.

Ông C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không chịu án phí đối với phần giá trị tài sản được nhận, phần nghĩa vụ thanh toán cho ông P.

3. Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 83.000.000 đồng (*tám mươi ba triệu đồng*) do ông C nộp tạm ứng (đã nộp và đã chi xong). Do ông C đã nộp tạm ứng phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ nên bà N phải thanh toán cho ông Chánh số tiền 41.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P có đơn kháng cáo đề nghị hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2026/HNGĐ-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị N phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm với lý do là bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho bà Hoàng Thị T tham gia tố tụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt giấy triệu tập cho bà T mà tổng đạt giấy triệu tập cho bà N là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn C phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P và giữ nguyên nội dung bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P. Giữ nguyên

nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2026/HNGĐ-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai ông Ngô Thanh H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Ngô Thanh H vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Ông Ngô Thanh H.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn C về việc “Không công nhận vợ chồng” là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định lại tư cách người tham gia tố tụng, cụ thể: Nguyên đơn là ông Nguyễn C, bị đơn bà Nguyễn Thị N; quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về “Chia tài sản chung” là phù hợp. Tuy nhiên phần đầu của bản án dân sự sơ thẩm vẫn ghi: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn C là chưa chính xác nên Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại nội dung này cho phù hợp.

*** Về nội dung:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm với lý do là bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho bà Hoàng Thị T tham gia tố tụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt giấy triệu tập cho bà T mà tổng đạt giấy triệu tập cho bà N là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét kháng cáo của các đương sự thì thấy:

[3] Tại Đơn khởi kiện ngày 09/11/2022 bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án Tuyên bố bà và ông Nguyễn C không phải là vợ chồng; bà thừa nhận bà và ông C có tài sản chung như Đơn khởi kiện của ông C, ngoài ra bà và ông C còn một số tài sản chung khác đứng tên ông C nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thụ lý yêu cầu “không công nhận vợ chồng” còn về tài sản chung bà N sẽ có yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 09/8/2025 bà N có Đơn yêu cầu bổ sung về việc phân chia tài sản giữa bà và ông C; Ngày 14/8/2025 Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo số 02/TB-TA yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu bổ sung và đã giao cho bà N; Do bà N không bổ sung đơn theo

yêu cầu nên ngày 29/9/2025 Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo số 02/TB-TA trả lại đơn khởi kiện bổ sung. Sau khi nhận thông báo này bà N không có khiếu nại, thắc mắc gì. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thụ lý giải quyết yêu cầu không công nhận bà N và ông C là vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: “... đối với việc ly hôn đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng ...” nên Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt trực tiếp cho bà N mà không tổng đạt cho người được ủy quyền là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, bà N và ông P cũng như Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N cho rằng không tổng đạt giấy triệu tập cho người được ủy quyền của bà N là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và yêu cầu hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Đối với câu chia tài sản chung của ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N: Ông C và bà N thống nhất xác định ông bà có tài sản chung là:

- + Nhà và đất tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 17, diện tích 120m², địa chỉ Lô 71-72 B đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 3893XX do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05.01.2018 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N.

- + Nhà và đất tại thửa đất số 463, tờ bản đồ số 10, diện tích 142,3m², địa chỉ 61 - 63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 9279XY do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.01.2022 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N.

- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 03-B, tờ bản đồ số 00, diện tích 112,5m², địa chỉ Lô 03-B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 6135XC do Ủy ban nhân dân quận L thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.4.2010 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N.

Ông C yêu cầu chia đôi các tài sản chung này còn bà N yêu cầu được hưởng 7 phần, ông C 3 phần. Xét yêu cầu chia các tài sản chung của các đương sự thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, các bên không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh công sức đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông C và bà N, mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung là phù hợp quy định tại các Điều 207, 208, 210, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo chứng thư thẩm định giá số 430/2024/450 ngày 12/12/2024 của Công ty Cổ phần thẩm định giá dịch vụ tài chính BTC Miền T thì:

- Thửa đất số 03-B34, tờ bản đồ số 00, diện tích: 112,5m² tại địa chỉ: Lô 03-B34, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có giá trị 6.272.214.525 đồng;

- Nhà và đất tại địa chỉ Lô 71-72 B2.1 đường C (Số 67- 69 đường C), phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng có giá trị 12.804.297.064 đồng;

- Nhà và đất tại địa chỉ 61- 63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng có giá trị 22.062.895.647 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 41.139.407.236 đồng. Do vậy, giá trị tài sản chung ông C, bà N mỗi người được nhận là $(41.139.407.236 \text{ đồng} : 2) = 20.569.703.618 \text{ đồng}$.

[5] Ngoài ra, ông Nguyễn Trường P có thi công chống thấm là 129.770.973 đồng và mua thêm tài sản có giá trị là 142.921.443 đồng, tổng cộng 272.687.083 đồng. Ông P có nguyện vọng nhận lại tài sản bằng tiền trị giá 272.687.083 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C và bà N mỗi người có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Trường P $\frac{1}{2}$ tương ứng số tiền 136.343.542 đồng là phù hợp.

Giá trị tài sản chung ông C, bà N mỗi người được nhận sau khi thôi trả cho ông P là $20.569.703.618 \text{ đồng} - 136.343.542 \text{ đồng} = 20.433.360.076 \text{ đồng}$.

[6] Về chia tài sản chung bằng hiện vật: Xét thấy nhà và đất tại địa chỉ 61 - 63 đường P, thành phố Đà Nẵng hiện bà N, ông P kinh doanh dịch vụ thuê nhà để mẹ con bà có khoản tiền sinh sống, do đó để không làm xáo trộn và đảm bảo cuộc sống của bà N cần giao bà N nhận 01 tài sản chung là Nhà, đất tại địa chỉ 61- 63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng với giá trị là 22.062.895.647 đồng; Giao ông C được nhận 02 tài sản chung là Thửa đất tại địa chỉ: Lô 03-B34 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và Nhà, đất tại địa chỉ 67- 69 đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng với tổng giá trị 19.076.511.589 đồng và buộc Bà N có nghĩa vụ thôi trả cho ông C số tiền 1.493.192.029 đồng $(20.569.703.618 \text{ đồng} - 19.076.511.589 \text{ đồng})$ như Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia là phù hợp.

[7] Đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu chia tài sản đứng tên ông Nguyễn C là:

+ Ô tô nhãn hiệu BMW biển số 43A 128-XX đăng ký vào ngày 14/11/2014 đứng tên ông Nguyễn C;

+ Nhà và đất địa chỉ 168 đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B06321X1 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/9/2013 đứng tên ông Nguyễn C;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 77, khu B

(giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2020 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 79, khu B (giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2020 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 80, khu B (giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/3/2016 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C;

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 3, địa chỉ Lô 78, khu B (giai đoạn 1) - Khu dân cư Nam cầu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/11/2020 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn C.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có Thông báo yêu cầu bà N sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện chia các tài sản nêu trên, đã hết thời hạn bà N không sửa đổi, bổ sung nên Tòa án đã ra Thông báo trả đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, bà N không khiếu nại, nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà N. Trường hợp bà N chứng minh được có quyền khởi kiện đối với các tài sản đó thì có thể khởi kiện vụ án dân sự khác.

[8] Đối với việc kinh doanh cho thuê các tài sản chung của ông C, bà N trong vụ án này, các bên đương sự không phát sinh tranh chấp gì, trường hợp có tranh chấp thì có thể khởi kiện vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C là có căn cứ. Do vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P; giữ nguyên nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2026/HNGĐ-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn C phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[9] Về án phí:

[9.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0007065 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đà Nẵng).

- Do bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn C, mỗi người được chia tài sản chung có giá trị 20.433.360.076 đồng nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng + $(0,1\% \times 16.433.360.077) = 128.433.360$ đồng.

- Do bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn C, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông P số tiền 136.343.542 nên mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(136.343.542 \times 5\%) = 6.817.177$ đồng.

Tuy nhiên, ông Nguyễn C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn C.

[9.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P, mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001437 và trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Trường P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001436 cùng ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 83.000.000 đồng (*tám mươi ba triệu đồng*) ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu là 41.500.000 đồng, nhưng ông Nguyễn C đã nộp tạm ứng số tiền 83.000.000 đồng (*Đã nộp và đã chi xong*) nên bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn C số tiền 41.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 207, Điều 208, Điều 210, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P; giữ nguyên nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2026/HNGĐ-ST ngày 16/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn C về việc *"Không công nhận vợ chồng"*.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C đối với bà Nguyễn Thị N về việc *"Chia tài sản chung"*.

2.1. Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 463, tờ bản đồ số: 10, diện tích: 142,3m², địa chỉ tại: 61-63 đường P, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 9279XY, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CTs 2302XB do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/01/2022 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N) có giá trị 22.062.895.647 đồng cho bà Nguyễn Thị N sở hữu, sử dụng.

Bà Nguyễn Thị N có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu riêng đối với tài sản được giao sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

2.2. Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 03-B34, tờ bản đồ số 00, diện tích: 112,5m², địa chỉ: Lô 03-B34, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 6135XC do Ủy ban nhân dân quận L thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/4/2010 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N) và Thửa đất số 428, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 120m², địa chỉ tại: Lô 71-72 B2.1 đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 3893XX do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/01/2018 đứng tên ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N) có tổng giá trị 19.076.511.589 đồng cho ông Nguyễn C sở hữu, sử dụng.

Ông Nguyễn C có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu riêng đối với tài sản được giao sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

2.3. Ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị N mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Trường P số tiền 136.343.542 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng*);

2.4. Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn C số tiền 1.493.192.029 đồng (*Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu một trăm chín mươi hai nghìn không trăm hai mươi chín đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0007065 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đà Nẵng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn C, mỗi người phải chịu là 128.433.360 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Trường P, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn C, mỗi người phải chịu là 6.817.177 đồng.

+ Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn C.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường P, mỗi người phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001437 và trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Trường P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001436 cùng ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá tài sản và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 83.000.000 đồng (*tám mươi ba triệu đồng*) ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu là 41.500.000 đồng, nhưng ông Nguyễn C đã nộp tạm ứng số tiền 83.000.000 đồng (*Đã nộp và đã chi xong*) nên bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn C số tiền 41.500.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TA-ND Khu vực 1 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký và đóng dấu*)

Vũ Việt Dũng